

Phụ lục 4: mẫu phiếu đánh giá tiêu chí

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ (TĐG)

Người báo cáo: Lê Quang Hùng

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên luôn luôn là năm học có nhiều sự biến động lớn về tỷ lệ thôi học của NH. Chính vì vậy, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội theo dõi tỷ lệ NH đang theo học tại Khoa thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng ĐT và báo cáo sinh hoạt CVHT của các CVHT. Theo đó, đầu mỗi niên khóa, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐT để theo dõi, giám sát tỷ lệ NH theo học bao gồm số lượng đầu vào của NH, tỷ lệ thôi học của NH [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Tất cả các số liệu trên đều được Phòng ĐT quản lý thông qua phần mềm chuyên dụng với độ tin cậy và tính chính xác cao [H11.11.01.03].

Phòng ĐT và Khoa thường xuyên thống kê và giám sát chặt chẽ tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của NH ngành Sư phạm Ngữ văn nhằm có sự đối sánh để cải tiến chất lượng ĐT, TT.ĐBCL chịu trách nhiệm khảo sát ý kiến NH, thống kê tình hình tốt nghiệp, việc làm NH; tổ chức đánh giá nội bộ... giám sát, rà soát việc ĐBCL trong công tác ĐT. Các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học được xác lập như sau:

Bảng 11.1.1 Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học

Stt	Chỉ số hoạt động chính (KPIs)	Công thức tính
1	Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (tính theo khóa học)	Tổng số NH tốt nghiệp/số NH nhập học (%)
2	Tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số NH tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ/Tổng số NH hiện tại (theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
3	Tỷ lệ NH thôi học của từng học kỳ, năm học so với đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số NH thôi học của từng học kỳ, năm học/Tổng số NH nhập học đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)

Stt	Chỉ số hoạt động chính (KPIs)	Công thức tính
4	Tỉ lệ NH thôi học của từng học kỳ, năm học so với tổng số NH của học kỳ, năm học liền kề trước	Tổng số NH thôi học của từng học kỳ, năm học/ Tổng số NH của học kỳ, năm học liền kề trước

Nhà trường sử dụng phần mềm UIS-QUẢN LÝ ĐÀO TẠO để lưu trữ dữ liệu NH, kết quả quá trình ĐT, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của NH, xem xét tỷ lệ đậu rớt, bỏ học, xét tốt nghiệp... Thông qua phần mềm này, NH tra cứu nhanh (trực tuyến) KQHT, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký học phần và theo dõi, giám sát sự tiến bộ của mình một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, nhà trường còn phát triển một số tính năng trong phần mềm nhằm phục vụ cho công tác tổng hợp thống kê báo cáo, chăm sóc NH, nhằm phục vụ cho công tác quản lý và điều hành của lãnh đạo trường [H11.11.01.04].

Mỗi học kỳ, tỷ lệ NH tốt nghiệp và thôi học các khoa được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo, phân tích kết quả ĐT theo từng học kỳ, năm học của Phòng ĐT cùng với báo cáo phân tích, đánh giá kết quả đào tạo và đề xuất cải tiến của Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội.

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành Sư phạm Ngữ văn của 5 khoá gần nhất

Khóa học	Số lượng toàn khóa	NH hoàn thành chương trình trong thời gian									
		3 năm		4 năm		4.5 năm		Trên 4.5 năm		Tổng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2018	58	0	0%	58	100%	0	0%	0	0%	58	100%
2019	44	0	0%	39	88,6%	0	0%	0	0%	39	88,6%
2020	32	0	0%	32	100%	0	0%	0	0%	32	100%
2021	41	0	0%	41	100%	0	0%	0	0%	41	100%
2022	36	0	0%	29	80,6%	0	0%	0	0%	29	80,6%

Qua bảng số liệu về tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành Sư phạm Ngữ văn, tính cho đến thời điểm hiện tại, ngành đã có 5 khóa có NH tốt nghiệp.

Bảng 11.1.3 Tỷ lệ NH thôi học ngành Sư phạm Ngữ văn của 5 khoá gần nhất

Khóa học	Số lượng toàn khóa	NH thôi học trong thời gian									
		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Năm thứ 4 và tiếp theo		Tổng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2018	58	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%

2019	44	5	11,4%	0	0%	0	0%	0	0%	5	11,4%
2020	33	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
2021	41	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
2022	36	7	19,4%	0	0%	0	0%	0	0%	7	19,4%

Qua bảng số liệu trên cho thấy ngành Sư phạm Ngữ văn của khoa Sư phạm Khoa học Xã hội có số NH thôi học trong 5 khóa gần nhất khá thấp. Tất cả rơi vào đầu năm thứ nhất của 2 khóa 5 và 8.

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của NH được đánh giá, phân tích, giám sát thường xuyên, liên tục. Ban chủ nhiệm khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã tiến hành rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng khóa do giáo vụ Khoa cung cấp. Hoạt động quản lý NH thôi học/ NH tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp khoa và cấp trường. Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng NH, tỉ lệ NH tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Phòng CTSV hàng tháng cũng là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái NH [H11.11.01.05].

Ban chủ nhiệm Khoa sẽ cùng các CVHT đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỉ lệ thôi học và hỗ trợ NH tiếp tục quá trình học tập [H11.11.01.06]. Đối với các trường hợp NH có kết quả thuộc diện cảnh báo buộc thôi học, Khoa đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với NH về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho NH các phương pháp cải thiện kết quả học tập, hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.07].

Hàng năm, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Việc đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của NH được thực hiện với các ngành đào tạo khác trong phạm vi nhà Trường [H11.11.01.08].

Bảng 11.1.4. Đối sánh Tỷ lệ NH tốt nghiệp của 05 khoá gần nhất giữa ngành Sư phạm Ngữ văn với ngành Sư phạm Tiếng Anh

Ngành	Khóa	SL đầu vào	Tốt nghiệp trong thời gian					Tổng	Tỷ lệ %
			3 năm	4 năm	4.5 năm	> 4.5 năm			
Sư phạm Ngữ văn	4	58	0	58	0	0	58	100%	
	5	44	0	39	0	0	39	88,6%	
	6	32	0	32	0	0	32	100%	

Ngành	Khóa	SL đầu vào	Tốt nghiệp trong thời gian					Tổng	Tỷ lệ %
			3 năm	4 năm	4.5 năm	> 4.5 năm			
	7	41	0	41	0	0	41	100%	
	8	36	0	29	0	0	29	80,6%	
Su phạm Tiếng Anh.	4	166	0	130	0	8	138	83,1%	
	5	140	0	119	0	4	123	87,9%	
	6	129	0	82	0	7	89	69%	
	7	161	0	90	0	22	112	70%	
	8	96	0	75	0	0	75	78%	

Kết quả đối sánh giữa các ngành đào tạo trong phạm vi trường cho thấy: tỉ lệ thôi học của NH ngành Su phạm Ngữ văn tương đối thấp hơn so với các ngành khác. Tỉ lệ này không tạo nhiều đột biến. Nhà trường cũng có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của CVHT [H11.11.01.09].

Nhằm theo dõi sát sao tình hình học tập của NH do lớp mình phụ trách, để kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho NH được tốt hơn, CVHT họp lớp định kỳ 2 lần mỗi học kỳ. Các vấn đề trao đổi đều được ghi nhận vào các biên bản họp lớp, được gửi về Khoa lưu trữ và tổng hợp ý kiến để có hướng xử lý và cải tiến [H11.11.01.10].

2. Điểm mạnh

Có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm hạn chế

NH thôi học vẫn còn một tỷ lệ nhất định trong hai khóa ĐT 5 và 8.

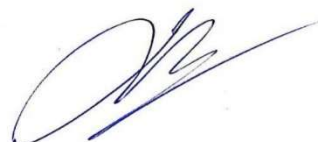
4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm học 2022 - 2023, các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Người báo cáo



Lê Quang Hùng

Phụ lục 4: mẫu phiếu đánh giá tiêu chí

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ (TĐG)

Người báo cáo: Lê Quang Hùng

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức đào tạo chính quy ngành Sư phạm Ngữ văn được Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội tính toán cụ thể. Qua đó, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội tiến hành phân công bộ phận chuyên trách giám sát tốt nghiệp và thiết lập quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Theo quy định của BGD&ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Đồng Nai, thời gian đào tạo trung bình của trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn được xác lập là 4 năm, thời gian đào tạo tối đa cho phép là 6 năm áp dụng cho tất cả các khóa [H11.11.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của phòng ĐT và được theo dõi trên hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm ĐT và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

CTDH được phân bổ lộ trình học tập hợp lý nhằm phù hợp với phương pháp đào tạo theo tín chỉ hiện nay của các trường đào tạo sư phạm trong và ngoài nước, tăng cường khả năng tự học, tính độc lập, tư duy sáng tạo của NH [H11.11.01.05].

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Thực tế cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH còn kéo dài chủ yếu là do NH chưa hoàn thành yêu cầu các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, chứng chỉ ngoại ngữ. Mặt khác, một số học phần chuyên ngành chỉ được mở định kỳ 1 năm/lần nên NH gặp khó khăn khi đăng ký học cải thiện hoặc trả nợ môn [H11.11.02.06]. Để giải quyết vấn đề trên, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã triển khai việc thống kê, rà soát danh sách SVTN và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa NH tốt nghiệp đầu tiên để làm cơ sở cho việc xây dựng dữ liệu báo cáo của Khoa và Nhà trường. Qua đó, phối hợp với các phòng ban để hỗ trợ NH khắc phục việc chậm tiến độ để tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, vai trò của các CVHT cũng rất quan trọng trong việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. CVHT sẽ là cầu nối để thông báo cho NH về thời gian tốt nghiệp trung bình cũng như đôn đốc NH chủ động hoàn thành các môn kỹ năng và ngoại ngữ cũng như tư vấn, hướng dẫn phương pháp học tập hiệu quả các học phần chuyên ngành giúp NH có thể tốt nghiệp đúng tiến độ, đăng ký học vượt trước

tiến độ. Sau khi tư vấn, các trường hợp NH này sẽ được tổng hợp và ghi nhận vào Nhật ký tư vấn hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp và lưu trữ tại Khoa [H11.11.02.06]. Đối với các trường hợp đặc biệt, NH vì các lý do cá nhân (đi nghĩa vụ quân sự, ốm đau, thai sản, kết hôn...) không thể theo học kịp đúng tiến độ thì NH có thể giãn thời gian học tập nhưng không được vượt quá thời gian tốt nghiệp trung bình tối đa của ngành Sư phạm Ngữ văn [H11.11.02.07].

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội tiến hành đối sánh với các ngành đào tạo trong trường để cân đối thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Sư phạm Ngữ văn H11.11.02.07]. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian TNTB của ngành Sư phạm Ngữ văn so với các ngành ĐT khác trong trường là như nhau.

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội tổ chức tổng kết và đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Kết quả thực tế cho thấy, số lượng NH chậm tiến độ đã có xu hướng giảm. Đội ngũ NV các phòng ban liên quan đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc hỗ trợ NH về các vấn đề học vụ và giải quyết nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho NH. Bên cạnh đó, CVHT cũng tác động tích cực đối với NH qua việc động viên, khuyến khích NH trong quá trình học tập nhằm đảm bảo thời gian tốt nghiệp. Ngoài ra, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan về CTDH [H11.11.02.08]. Đối với những vấn đề còn hạn chế, Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp như rà soát, điều chỉnh CTDH, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH [H11.11.02.09].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học.

Trường và Khoa có các biện pháp hỗ trợ NH học cải thiện kết quả học tập, đảm bảo tốt nghiệp đúng thời hạn.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối.


4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT hay hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Người báo cáo

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized 'L' followed by 'ê Quang Hùng'.

Lê Quang Hùng

Phụ lục 4: mẫu phiếu đánh giá tiêu chí

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ (TĐG)

Người báo cáo: Lê Quang Hùng

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Phòng ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện việc khảo sát tình hình NH có việc làm, phản hồi của cựu NH và DN [H11.11.03.01]. Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội luôn quan tâm đến NH có việc làm sau tốt nghiệp. Chính vì vậy, hằng năm Khoa thực hiện theo kế hoạch của Trường để khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp [H11.11.03.02], Với kết quả nhận được như sau [H11.11.03.03]:

Bảng 11.3.1. Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của NH Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội (%)

(Số liệu thống kê chưa đầy đủ)

Năm học	Hiện trạng việc làm		Thời gian có việc sau khi ra trường		
	Chưa có việc làm	Đã có việc làm	Dưới 3 tháng	Từ 3 đến dưới 6 tháng	Từ 6 tháng trở lên
2017 - 2018	3	14			
2018 – 2019					
2019 – 2020					
2020 - 2021	7	25			
2021 – 2022					

Kết quả từ bảng 11.3.2, cho thấy

Về khu vực làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu 11.3.1:

Bảng 11.3.2. Thống kê môi trường làm việc của NH khoa Sư phạm Ngữ văn tốt nghiệp (%)

(Chưa có số liệu thống kê)

Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
DN tư nhân					
DN có vốn đầu tư nước ngoài					
Các cơ quan Nhà nước					
DN quốc doanh					
Tự làm chủ					
Loại hình khác					

Đa phần NH tốt nghiệp làm việc ở khu vực tỉnh Đồng Nai

Kết quả này là cơ sở để Khoa phản ánh một phần về chất lượng ĐT và là cơ sở để Khoa cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo cho NH để đáp ứng nhu cầu thực tế.

Để nhận định tốt hơn tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội tiến hành đối sánh báo cáo tình hình việc làm của NH ngành Sư phạm Ngữ văn qua các khóa và đối sánh báo cáo tình hình việc làm của NH ngành Sư phạm Ngữ văn với NH các ngành khác. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành đối sánh tỷ lệ có việc làm của ngành Sư phạm Ngữ văn với các trường ĐH khác có ĐT chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn [H11.11.03.04].

Trung tâm Tuyển sinh của Trường, có chức năng hỗ trợ việc làm cho NH toàn trường [H11.11.03.05]. Trường đã xây dựng chuyên trang Hỗ trợ NH trong đó có mục hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp, kỹ năng mềm cho NH [H11.11.03.06]. Ngoài ra, nhằm tìm hiểu các nguyên nhân cũng như có các biện pháp hỗ trợ NH có việc làm một cách hiệu quả, Trung tâm Tuyển sinh và truyền thông đã nghiên cứu và giới thiệu chuyên đề "Giải pháp tăng cường tỷ lệ việc làm cho NH mới tốt nghiệp 1 năm" [H11.11.03.07]. Hằng năm, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội cũng kết hợp với Trung tâm Tuyển sinh hỗ trợ giải quyết việc làm cho NH ngành Sư phạm Ngữ văn thông qua các Chương trình ngày hội việc làm [H11.11.03.08].

2. Điểm mạnh

Khoa có khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá

năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu NH để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Người báo cáo



Lê Quang Hùng

Phụ lục 4: mẫu phiếu đánh giá tiêu chí

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ (TĐG)

Người báo cáo: Lê Quang Hùng

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc ĐH là trang bị cho NH các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho NH hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ NH là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường Đại học Đồng Nai luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của NH thông qua việc ban hành quy định cụ thể về hoạt động NCKH của NH [H11.11.04.01]. Ngoài ra, Khoa cũng xây dựng kế hoạch NCKH cụ thể đối với NH [H11.11.04.02].

Đồng thời, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát. Nhiệm vụ này được phân công cho Phòng KHCN và khoa thực hiện [H11.11.04.03]. Từ năm 2018 đến thời điểm hiện tại, hoạt động NCKH của NH ngành Sư phạm Ngữ văn được thực hiện chủ yếu với loại hình khóa luận tốt nghiệp. Có 47 khóa luận tốt nghiệp được NH thực hiện và bảo vệ thành công. Trong đó có 09 khóa luận của NH ở hệ Cao đẳng hai khóa 4 và 5. Hoạt động này mang lại những ý nghĩa thiết thực cho NH [H11.11.04.04]. Các đề tài NCKH của NH được định hướng từ HĐKH&ĐT Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội và triển khai chi tiết dưới sự hướng dẫn sát sao, tận tình từ phía GV hướng dẫn với nguồn kinh phí do nhà trường hỗ trợ [H11.11.04.05].

Kết quả tổng kết và đánh giá hoạt động NCKH của NH trong 5 năm từ 2018 đến 2022 (bảng 11.4.1) cho thấy tình hình NCKH của NH ngành Sư phạm Ngữ văn với loại hình khóa luận tốt nghiệp có dao động về mặt số lượng. Ngoài ra, khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã tổ chức Hội nghị NCKH của NH trong năm 20..... để công bố chính thức các đề tài NCKH này [H11.11.04.06]. Trên cơ sở kết quả đó, Phòng KHCN đã đề xuất nhà trường tổ chức khen thưởng ... NH có kết quả cao và ... NH có bài đăng Kỷ yếu hội thảo cấp trường trong Hội nghị NCKH của NH [H11.11.04.07].

Bảng 11.4.1. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của NH qua các năm

Năm học	Số NH	Tỷ lệ NH tham gia NCKH	Tổng số Đề tài	Cấp Đề tài					
				Bộ		Thành phố		Trường	
				SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2017-2018	58	20,7%	12	0	0%	0	0%	12	20,7%
2018-2019	39	30,8%	12	0	0%	0	0%	12	30,8%
2019-2020	36	8,3%	3	0	0%	0	0%	3	8,3%
2020-2021	74	6,8%	5	0	0%	0	0%	5	6,8%
2021-2022	28	21,4%	6	0	0%	0	0%	6	21,4%
Tổng	235	16,2%	38	0	0%	0	0%	38	16,2%

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của NH, kể từ tháng ... năm 20..., Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã mời các GV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và có bề dày kinh nghiệm về NCKH nhằm chia sẻ kinh nghiệm về NCKH và định hướng đúng đắn về các đề tài NCKH do NH lựa chọn nghiên cứu [H11.11.04.08].

Từ năm 2018, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã thực hiện việc triển khai theo dõi, giám sát các đề tài NCKH của NH theo quy trình chung của nhà trường và được quy định rõ trong Sổ tay sinh viên. Khoa tiến hành phân công GV chuyên ngành phụ trách hướng dẫn NH thực hiện khóa luận tốt nghiệp và NH sẽ triển khai thực hiện các đề tài khóa luận tốt nghiệp này theo đúng tiến độ. Trong ... khóa luận tốt nghiệp này, ... khóa luận tốt nghiệp có chất lượng nội dung tốt, được GV hướng dẫn đồng ý được gửi đến HĐKH&ĐT Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội để chọn lọc, thẩm định và đề xuất nâng lên thành các đề tài NCKH của NH cấp trường [H11.11.04.09].

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã tiến hành ký kết hợp tác với tạp chí “.....” nhằm phát triển hoạt động NCKH của NH [H4.04.01.10]. Ngoài ra, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã tổ chức nhiều hội thảo với sự tham gia đông đảo của NH ngành Sư phạm Ngữ văn có các bài viết NCKH nhằm góp phần quảng bá hoạt động NCKH của Khoa, Nhà trường, tạo động lực, truyền cảm hứng cho NH tham gia viết bài cho hội thảo nói riêng và các hoạt động NCKH nói chung [H11.11.04.11].

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác

nhau. Bên cạnh đó, thông qua việc đối sánh với các trường đào tạo Sư phạm Ngữ văn trong và ngoài nước, Khoa sẽ cân đối và điều chỉnh hoạt động NCKH của NH cho phù hợp với xu thế phát triển chung của các trường ĐH lớn cũng như của ngành Sư phạm Ngữ văn hiện nay [H11.11.04.12]. Nội dung đối sánh chi tiết tại bảng 11.4.2

Bảng 11.4.2. Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Trường ĐH với các cơ sở đào tạo khác

Năm học	Ngành Sư phạm Ngữ văn Khoa sư phạm Khoa học Xã hội ĐH Đồng Nai				
	Số SV	Tỷ lệ SV tham gia NCKH	Tổng số Đề tài	Số SV	Tỷ lệ SV tham gia NCKH	Tổng số Đề tài
2017-2018	58	20,7%	12			
2018-2019	39	30,8%	12			
2019-2020	36	8,3%	3			
2020-2021	74	6,8%	5			
2021-2022	28	21,4%	6			
Tổng	235	16,2%	38			

Điều này cho thấy chất lượng các đề tài NCKH của ngành, của Khoa và Nhà trường ngày càng có bước phát triển và được cải thiện rõ rệt. Hàng năm, các đơn vị lập kế hoạch hoạt động năm học của đơn vị mình, trong đó có kế hoạch về hoạt động NCKH của GV và NH. Phòng ĐTSĐH-KHCN cũng xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học, trong đó nêu rõ các chỉ số về hoạt động NCKH của NH. Việc tổ chức hoạt động NCKH cho NH được dựa trên Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động NCKH của NH trong các cơ sở giáo dục ĐH của BGDĐT.

Nhằm nâng cao chất lượng NCKH của NH, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã đề xuất các giải pháp NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với khả năng của NH. Thông qua GV hướng dẫn hoặc HĐKH&ĐT Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội giúp NH đưa ra những danh mục đề tài gợi ý cho NH và định hướng nghiên cứu thiết thực dựa trên cơ sở năng lực của NH. Ngoài ra, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội còn cho khuyến khích NH có những ý tưởng NCKH mới mẻ thông qua việc NH phát hiện ra những vấn đề pháp lý nảy sinh trên thực tế thu hút sự quan tâm của xã hội bên cạnh các danh mục đề tài do Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội và GV cung cấp [H.11.11.04.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch hoạt động NCKH của NH, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho NH, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ NH trong quá trình làm đề tài.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số NH còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2023-2025, Khoa và Phòng QLKH tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho NH.

Khắc phục tồn tại:

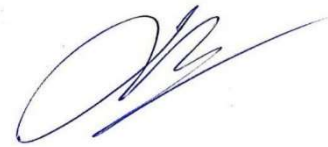
Từ năm 2023-2024, Nhà trường đẩy mạnh việc NCKH trong NH bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa sẽ tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho NH nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho NH về vai trò của NCKH trong NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Người báo cáo



Lê Quang Hùng

Phụ lục 4: mẫu phiếu đánh giá tiêu chí

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ (TĐG)

Người báo cáo: Lê Quang Hùng

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường bao gồm các thành phần chính như sau: Cấu trúc tổ chức và nhân sự; Thể chế và quy định; Hệ thống thông tin ĐBCL. Về cấu trúc, hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được tổ chức thành ba cấp: BGH – Đơn vị chuyên trách công tác ĐBCL – lãnh đạo và chuyên viên phụ trách công tác ĐBCL tại các đơn vị. TT.ĐBCL được thành lập Trường đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ. Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Trường gồm các loại khảo sát sau [H11.11.05.01]: (i) Khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) Khảo sát ý kiến NH năm cuối về khóa học; (iii) Khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp về việc làm; (iv) Khảo sát ý kiến GV và NH về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ; (v) Khảo sát ý kiến NTD về CTĐT; (vi) Khảo sát ý kiến NTD về chất lượng CSVC của Trường.

Quy trình lấy ý kiến, hình thức, công cụ lấy ý kiến đều được xác định rõ trong Quy định về công tác lấy ý kiến các BLQ của Trường [H11.11.05.02]. Kết quả của các loại khảo sát trên, sau khi được P.ĐBCL xử lý bằng phần mềm chuyên dụng, được tổng hợp, đối sánh giữa các CTĐT hoặc các đơn vị trong Trường sẽ được gửi đến các đơn vị liên quan trong Trường, các đơn vị phân tích dữ liệu và làm báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc cải tiến như thế nào tại đơn vị để nâng cao chất lượng của đơn vị [H11.11.05.03], [H11.11.05.04].

Sau khi tiếp nhận kết quả ý kiến phản hồi từ các BLQ. Khoa và các đơn vị trong trường tiến hành nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng, như sau:

Lãnh đạo và GV của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ người học. Hàng tháng tại các cuộc họp Khoa và các cuộc họp bộ môn, nhóm chuyên môn, GV Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội luôn được ủng hộ đóng góp ý kiến nhằm mục tiêu cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ tốt hơn đối với NH [H11.11.05.05].

Đánh giá mức độ hài lòng từ phía NH đối với GV là việc làm thường xuyên của Trường. Cuối mỗi học kì, Phòng ĐBCL triển khai lấy phiếu đánh giá từ phía NH. Kết quả khảo sát sẽ được Phòng ĐBCL tổng hợp báo cáo tới BGH, sau đó thông báo đến lãnh đạo đơn vị để nắm thông tin và chuyển đến từng GV. Thông tin phản hồi từ NH sau mỗi kì rất hữu ích cho mục đích cải thiện việc giảng dạy hiệu quả hơn nhằm nâng cao chất lượng NH [H11.11.05.06].

Đối với kết quả khảo sát của GV và NH về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ, kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào để giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến thể hiện qua Báo cáo tổng kết năm học và Kế hoạch năm học tiếp theo của đơn vị [H11.11.05.07]. Đối với cấp trường, hoạt động cải tiến được xác lập thông qua phương hướng của năm học tại hội nghị viên chức hàng năm và được triển khai thành các kế hoạch hàng tháng [H11.11.05.08].

Với kết quả khảo sát của NH tốt nghiệp và NTD giúp Trường/Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT và khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp NH sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc; Kết quả khảo sát này cho Trường một thông tin tổng thể về nguồn nhân lực mà Trường đã đào tạo cho xã hội [H11.11.05.09].

Trong quá trình cải tiến chất lượng CTĐT, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã căn cứ vào kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng [H11.11.05.10]. Dựa trên kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên có liên quan, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội đã có những lần điều chỉnh lớn về CTĐT vào năm 20..... và năm 20..... Cụ thể, năm 20....., CTĐT được điều chỉnh theo chuẩn, trong đó, một số HP được thiết kế tích hợp với nhau thành module môn học nhằm giúp NH đạt được các CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đến năm 20....., CTĐT tiếp tục được điều chỉnh lần hai theo hướng tăng thời lượng các HP lý thuyết trong đó có lồng ghép nội dung thực hành hoặc thiết kế thêm một số HP thực hành nhằm nâng cao kỹ năng nghề cho NH, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực ngành Sư phạm Ngữ văn hiện nay. Đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội phối hợp với các phòng ban trong phạm vi trường để lập kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan, đặc biệt là GV, NH như: cải thiện về cơ sở vật chất, tích cực hỗ trợ NH trong hoạt động đào tạo, giải quyết vấn đề học vụ.

2. Điểm mạnh

Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ.

Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều

được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2022-2025, khoa Sư phạm Khoa học Xã hội hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng ĐT thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

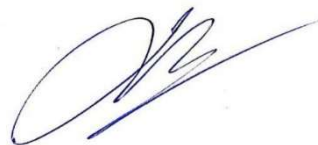
Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2022-2023, nhà trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ NH ngày càng được nâng cao.

Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Người báo cáo



Lê Quang Hùng